

Bản án số: 48/2019/HS-PT

Ngày 06 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thông và bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019; các quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/HSPT-QĐ ngày 07-3-2019, 12/2019/HSPT-QĐ ngày 05-4-2019, 15/2019/HSPT-QĐ ngày 03-5-2019 và 17/2019/HSPT-QĐ ngày 03-6-2019, đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T và Trần Quang Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 03-02-1997 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Z, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: Thôn W, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đỗ Thị T; nhân thân: Ngày 21-10-2014, phạm tội “Cố ý gây thương tích”, Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2015/HS-ST ngày 18-9-2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 01 năm 09 tháng tù chấp hành xong hình phạt ngày 22-11-2016; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-12-2017 - Có mặt.

2. Trần Quang Q (tên gọi khác: S), sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình

độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; con bà Trần Thị X (không xác định được cha đẻ); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-12-2017 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T và Lê Văn T quen biết nhau khi đang chấp hành hình phạt tù. Đến tháng 9-2017 Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T và Lê Văn T chấp hành xong hình phạt đã gặp nhau, bàn bạc việc trộm cắp xe mô tô đưa sang tỉnh Bình Phước tiêu thụ. Do quen biết trước với Phan Văn H nên Lê Văn T đưa Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T đến làm quen và rủ Phan Văn H và Trần Quang Q (khi đó đang có mặt tại nhà Phan Văn H) cùng tham gia, tất cả đều đồng ý. Sau khi, bàn bạc cụ thể cách thức, phân công nhiệm vụ cho từng người, cụ thể: Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T sẽ trực tiếp trộm cắp xe mô tô trên địa bàn các huyện Đ, T và Đ1 về cất giấu tại nhà rẫy của Trần Quang Q hoặc những địa điểm khác nhau, không có người qua lại; Trần Quang Q và Phan Văn H có trách nhiệm tham gia đưa xe đi đến tỉnh Bình Phước bán cho Huỳnh Thiên S. Khi trộm cắp được xe mô tô, Nguyễn Văn C sẽ gọi điện thoại cho Huỳnh Thiên S để thông báo về số lượng xe, loại xe, đời xe, màu sắc xe... Sau đó, Huỳnh Thiên S gọi điện thoại cho một người tên là T2 (quốc tịch Campuchia, không rõ nhân thân lai lịch) hỏi giá từng loại xe theo yêu cầu của Nguyễn Văn C, báo giá mua xong Huỳnh Thiên S sẽ báo lại cho Nguyễn Văn C và hẹn thời gian, địa điểm giao nhận xe. Địa điểm giao nhận xe thường được thực hiện tại hai khu vực: Cầu S giáp ranh giữa hai huyện B và huyện B1 của tỉnh Bình Phước và lô cao su nghĩa trang L thuộc xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Với phương thức, thủ đoạn trộm cắp và tiêu thụ xe mô tô như trên, trong thời gian từ ngày 04-10-2017 đến ngày 03-12-2017, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Phan Văn H, Trần Quang Q, Lê Văn T, Lý Gia T và Huỳnh Thiên S đã thực hiện 14 vụ, trộm cắp được tổng cộng 22 xe mô tô các loại trên địa bàn huyện T, huyện Đ và huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 04-10-2017, Nguyễn Văn C đi xe ô tô khách từ tỉnh Bình Phước đến nhà Nguyễn Văn T tại xã Q, huyện Đ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T mượn xe mô tô loại Dream đã cũ (không có biển số) của anh Nguyễn Văn H (anh trai của Nguyễn Văn T) chở Nguyễn Văn C đến đoạn đường đất thuộc thôn Y, xã Q thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48B1-392.76 (của chị Nguyễn Thị T) dựng ở ven đường không có người trông coi. Sau đó, Nguyễn Văn T dừng xe, Nguyễn Văn C lấy trộm chiếc xe rồi điều khiển chạy đến khu vực chợ Đ chờ Nguyễn Văn T và điều khiển chở Nguyễn Văn T đến huyện T thuê nhà nghỉ qua đêm.

Vụ thứ 2: Khoảng 07 giờ ngày 05-10-2017, Nguyễn Văn T đi xe máy biển kiểm soát 48B1-392.76 chở Nguyễn Văn C đi ngang qua hiệu sách huyện T,

thuộc thôn V, xã Đ, huyện T thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48B1-358.10 (của chị Châu Thị Kim L) đang dựng ở sân có chìa khóa cắm sẵn ở xe. Lúc này, Nguyễn Văn C vào lấy trộm xe mô tô rồi cùng chạy đến khu vực lô cao su gần nghĩa trang L, thị xã P, tỉnh Bình Phước để tiêu thụ. Tại đây, Nguyễn Văn C giao xe biển kiểm soát 48B1-358.10 cho Huỳnh Thiên S được Huỳnh Thiên S trả 6.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng, xe biển kiểm soát 48B1-392.76 Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C tiếp tục sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 06 giờ ngày 07-10-2017 Nguyễn Văn C rủ Nguyễn Văn T, Phan Văn H và Lê Văn T dùng chiếc xe Wave RSX của Phan Văn H và chiếc xe biển kiểm soát 48B1-392.76 đến địa bàn huyện T để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Lê Văn T chở Nguyễn Văn C đi vào ngã ba thác F đi vào khu công nghiệp xã Q để tìm tài sản. Tại đây, Nguyễn Văn C phát hiện thấy 01 chiếc xe biển kiểm soát 47H1-202.64 (của anh Đặng Dầu S) đang dựng ở nhà rẫy không có người trông coi, Nguyễn Văn C nói Lê Văn T quay xe trở lại để vào lấy trộm chiếc xe trên điều khiển chiếc xe chạy khu vực ngã ba thác M, xã Q cất giấu. Sau đó, Nguyễn Văn C gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T và Phan Văn H đến lấy chiếc xe vừa trộm cắp được đưa đến khu vực lô cao su gần nghĩa trang L thuộc thị xã P, tỉnh Bình Phước bán cho Huỳnh Thiên S.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 15-10-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe Sirius màu trắng của Phan Văn H chở Nguyễn Văn C đến khu vực ngã tư cầu Q thuộc thôn E, xã N, huyện Đ thì Nguyễn Văn T phát hiện thấy chiếc xe biển kiểm soát 48F1-129.07 của anh Trần Hoàng L dựng ở sân quán cà phê LS thuộc thôn E, xã N. Sau đó, Nguyễn Văn T vào mở khóa cắm sẵn trên ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe chạy đến giấu ở nghĩa trang thôn S, xã N.

Vụ thứ 5: Khoảng 09 giờ ngày 16-10-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn C đến địa bàn xã T, huyện T. Nguyễn Văn C vào sân nhà anh Nguyễn Đình H tại thôn S, xã Q dùng văm bẻ khóa xe biển kiểm soát 48F1-132.21 điều khiển chạy đến bờ rừng thác F, xã Q để cất giấu. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T và Phan Văn H đưa hai chiếc xe đến cầu S thuộc xã Đ, huyện B1, tỉnh Bình Phước bán cho Huỳnh Thiên S.

Vụ thứ 6: Khoảng 19 giờ ngày 20-10-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe Sirius của Phan Văn H chở Nguyễn Văn C tới khu vực chợ xã N, huyện Đ1 tìm xe mô tô để trộm cắp. Sau khi phát hiện chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại Winer màu bạc đỏ không gắn biển số của anh Điều S dựng ở sân quán Internet Game 48 thuộc thôn X, xã N. Lúc này, Nguyễn Văn T đứng ở ngoài cảnh giới, Nguyễn Văn C đi bộ vào phá khóa xe nhưng không được nên dắt xe ra đường đầu dây điện ở đầu xe rồi nổ máy chạy đi cất giấu tại rẫy cà phê đoạn đường xã Đ, xã Đ1, sau đó mang đi tiêu thụ.

Vụ thứ 7: Khoảng 17 giờ, ngày 30-10-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe Sirius màu trắng của Phan Văn H chở Nguyễn Văn C đến đoạn đường đôi thuộc

xã Đ1, huyện T để trộm cắp xe mô tô. Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48K1-079.50 của chị Trần Thị Y, dựng trước nhà tại thôn W, xã Đ, Nguyễn Văn C đi vào dùng vạm phá khóa đưa đi giấu ở khu vực rừng gần ngã 3 thác T, xã Q.

Vụ thứ 8: Khoảng 14 giờ, ngày 31-10-2017, Nguyễn Văn T chở Nguyễn Văn C đi hướng từ xã Đ đến phía xã Đ1. Khi đi đến gần vòng xuyến thuộc thôn V, xã Đ1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T phát hiện bên tay trái đường có chiếc xe biển kiểm soát 48K1-075.61 của anh Bùi Văn T đang dựng ở sân nhà. Sau đó, Nguyễn Văn T điều khiển xe vòng lại để Nguyễn Văn C đi bộ vào lấy trộm xe chạy đến ngã ba F, xã Q đứng chờ. Nguyễn Văn T điều khiển xe của Phan Văn H về nhà rẫy của Trần Quang Q để đón Trần Quang Q và Phan Văn H. Khi Nguyễn Văn T chở Trần Quang Q và Phan Văn H từ ngã ba bưu điện đi qua khu vực chợ mới Đ1 thì bị Tổ Cảnh sát giao thông Công an huyện T tạm giữ xe do chở 03 người và không có giấy tờ xe. Sau đó, Nguyễn Văn T đi nhờ xe người qua đường vào bìa rừng ngã ba thác F, xã Q lấy chiếc xe đã lấy trộm cất giấu trước đó đến chở Trần Quang Q và Phan Văn H trở lại bìa rừng thác F, Nguyễn Văn T lấy tiếp chiếc xe biển kiểm soát 48K1-079.50 của anh Bùi Văn T giao cho Trần Quang Q điều khiển. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Phan Văn H và Trần Quang Q đưa 03 chiếc xe trộm cắp được đến tỉnh Bình Phước bán cho Huỳnh Thiên S.

Vụ thứ 9: Khoảng 09 giờ ngày 07-11-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô Exciter màu xanh chở Nguyễn Văn C từ hướng xã N về phía thị trấn Đ, huyện Đ1. Khi đi đến khu vực gần đường đôi vào thị trấn, Nguyễn Văn C thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F1- 122.71 của chị Ngô Thị L dựng trước sân tiệm bán quần áo “L N” thuộc tổ Q, thị trấn Đ, Nguyễn Văn C dùng vạm bẻ khóa chạy đến nhà rẫy của Trần Quang Q. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T tiếp tục đến xã Đ1, huyện T, khi đến khu vực bãi đất trống bên cạnh quán lẩu cua đồng Q thuộc thôn F, xã Đ1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H4-0827 của chị Nguyễn Thị A dựng trước cửa quán không có người trông coi nên dùng vạm bẻ khóa chạy đi giấu ở khu vực bìa rừng ngã ba thác F, xã Q. Sau đó, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T cùng với Trần Quang Q và Phan Văn H đưa 02 chiếc xe trộm được mang đi tiêu thụ.

Vụ thứ 10: Vào buổi sáng khoảng giữa tháng 11-2017, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T đi chiếc xe biển kiểm soát 95F1-055.09 để trộm cắp xe máy, khi đến đoạn từ ngã tư cầu C xã N, huyện Đ1, Nguyễn Văn C phát hiện có 01 chiếc xe mô tô Future dựng ở bên phải đường không có người trông coi nên phá khóa điều khiển xe chạy về nhà rẫy của Trần Quang Q để cất giấu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T tiếp tục đi trộm cắp xe mô tô, khi đi qua chợ cũ N, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T phát hiện bên trái đường có

01 chiếc xe Future đang dựng gần 02 rạp đám cưới, Nguyễn Văn T cảnh giới, Nguyễn Văn C đi bộ đến dùng vạm phá khóa điều khiển chạy đi cất giấu tại nghĩa trang thôn G, xã N.

Vụ thứ 11: Khoảng 19 giờ ngày 24-11-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe biển kiểm soát 95F1-055.09 chở Nguyễn Văn C đến đoạn đường Quốc lộ 14 thuộc địa phận bon J, xã T, huyện Đ1, Nguyễn Văn C thấy chiếc xe biển kiểm soát 47P1-092.52 của anh Nguyễn Thanh D dựng trước phòng trọ bên đường, Nguyễn Văn C dùng vạm phá khóa cùng với Nguyễn Văn T đưa về nhà rẫy của Trần Quang Q.

Vụ thứ 12: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25-11-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe biển kiểm soát 95F1-055.09 chở Nguyễn Văn C đến khu vực xã Đ, huyện Đ1 tìm xe máy để trộm cắp, khi đi qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, Nguyễn Văn C vào sân nhà anh Nguyễn Văn Th đang xây dựng, thuộc thôn H, xã Đ dùng vạm bẻ khóa lấy trộm chiếc xe biển kiểm soát 78F1-240.32 điều khiển chiếc xe đến giấu tại bìa rừng ngã ba thác F, xã Q.

Vụ thứ 13: Khoảng 09 giờ ngày 26-11-2017, Nguyễn Văn T chở Nguyễn Văn C đến địa bàn huyện T, khi tới đoạn đường đôi cách vòng xuyên khoảng 400m thuộc thôn G, xã Đ1, Nguyễn Văn C vào sân của gia đình anh Ngô Thanh B dùng vạm phá khóa chiếc xe biển kiểm soát 49G1-226.63 đưa đi giấu ở bìa rừng ngã ba thác F, xã Q. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T tiếp tục điều khiển xe biển kiểm soát 95F1-055.09 chở Nguyễn Văn C đến địa bàn huyện Đ1, khi đi đến đoạn đường bê tông cạnh trường tiểu học L thuộc thôn W, xã N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C phát hiện chiếc xe biển kiểm soát 48F1-110.30 của anh Trịnh Văn T dựng trong sân nhà, Nguyễn Văn C đến dùng vạm phá khóa đưa giấu tại bãi cỏ thuộc khu vực xã N.

Vụ thứ 14: Khoảng 07 giờ ngày 02-12-2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe biển kiểm soát 95F1-055.09 chở Nguyễn Văn C đi theo đường quốc lộ 14 từ cầu C về hướng thị trấn Đ, huyện Đ, khi đến Trường tiểu học T thuộc thôn B, xã N, huyện Đ Nguyễn Văn C phát hiện trong nhà để xe của trường có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48B1-451.77 của anh K'S nên đấu dây điện đưa về nhà rẫy của Trần Quang Q cất giấu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T điều khiển xe biển kiểm soát 95F1-055.09 chở Nguyễn Văn C từ thị trấn Đ, huyện Đ đi đến khu vực ngã ba Đôn X của Bộ đội biên phòng, phát hiện chiếc xe biển kiểm soát 48F1-082.00 của anh Lê Văn L dựng trước sân nhà ông Mai Bình C thuộc thôn U, xã N, huyện Đ dùng vạm phá khóa cùng Nguyễn Văn T đưa đi cất giấu. Khi Nguyễn Văn T chở Nguyễn Văn C chạy đến đoạn đường thôn T, xã T, huyện Đ1, Nguyễn Văn C thấy chiếc xe biển kiểm soát 48F1-035.44 của chị Tạ Thị H dựng tại sân nhà của anh Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn C phá khóa chạy về hướng quốc lộ 14C cất giấu ở khu vực nghĩa trang xã T. Khi đi đến đoạn đường đôi thị trấn Đ, Nguyễn Văn C phát hiện ở trước phòng khám đông y thuộc tổ V, thị trấn Đ

chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49P6-8483 của bà Nguyễn Thị Thùy L dựng trước sân phòng khám đông y, Nguyễn Văn C dùng vạm phá khóa cùng Nguyễn Văn T đưa đi cất giấu tại nghĩa trang xã N, huyện Đ. Sau đó, Trần Quang Q điều khiển xe mô tô hiệu Exciter đi đón Phan Văn H; Nguyễn Văn T đi xe biển kiểm soát 48B1-451.77 chở Nguyễn Văn C và Lý Gia T đến nghĩa trang N để lấy xe đã cất giấu trước đó. Lúc này, Lý Gia T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C đến địa điểm cất giấu xe giao xe cho Trần Quang Q và Phan Văn H điều khiển. Khi đi chốt lâm trường thuộc xã Q thì Trần Quang Q bị lực lượng Công an huyện T phối hợp với Công an xã Q chốt chặn bắt giữ cùng 03 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F1-082.00, 49P6-8483 và 95F1-055.09; Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Phan Văn H và Lý Gia T trốn thoát tiếp tục đưa 02 chiếc xe biển kiểm soát 48F1-035.44 và 48B1-451.77 đến tỉnh Bình Phước tiêu thụ.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 42 ngày 04-12-2017, số 43 ngày 08-12-2017 và số 47 ngày 16-3-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận về giá trị của 07 chiếc xe mô tô bị trộm cắp như sau: Xe mô tô biển kiểm soát 48K1-075.61, 48K1-079.50, 49G1-226.63, 48B1-358.10, 47H1-202.64, 48F1-1322 và 48H4-0827, tổng giá trị là 124.000.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04 ngày 22-02-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ1 kết luận giá trị của 10 chiếc xe mô tô như sau: Xe mô tô biển kiểm soát 48F1- 129.07, 48F1-108.30, 48F1- 122.71, 47P1-092.52, 78F1-240.32, 48F1-110.30, 48B1-451.77, 48F1-082.00, 48F1-035.44 và 49P6-8483, tổng giá trị là 244.485.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản ngày 28-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 48B1-392.76 có giá trị là 21.250.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T trực tiếp thực hiện 14 vụ trộm cắp 22 xe mô tô, tổng giá trị 389.735.000 đồng và bị cáo Trần Quang Q trực tiếp trộm cắp 06 vụ 12 xe mô tô với tổng giá trị là 230.678.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Quang Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang Q 08 năm tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12-12-2018, các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Quang Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Quang Q thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài*”

sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã kết án các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Quang Q về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Bản án sơ thẩm số: 50/2015/HS-ST ngày 18-9-2015 kết luận ngày 21-10-2014 bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội và bị kết án 09 tháng tù về tội *“Cố ý gây thương tích”*, tại thời điểm phạm tội này bị cáo Nguyễn Văn T chưa đủ 18 tuổi. Điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;”*. Do vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T là không đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

3.1. Mặc dù, bị cáo Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *“Tái phạm”* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân của bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

3.2. So với bị cáo Nguyễn Văn T thì vai trò, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quang Q thấp hơn. Song, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt bị cáo 08 năm tù là chưa thể hiện sự công bằng giữa các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quang Q.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang Q.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 07-12-2017.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các điểm a, b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang Q 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 03-12-2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- THAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện Tuy Đức;
- THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương